

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-ST

Ngày: 20 - 6 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Ông Võ Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc- Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Văn T1**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp 1, xã T2, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà **Ngô Thị Thu Th**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp 5, xã Tân Tây, huyện T, tỉnh Long An.

Ông T1 có mặt; bà Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Huỳnh Văn T1: Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn T1 xác định khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Thu Th trả số tiền nợ 350.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

Đề nghị của bị đơn – bà Ngô Thị Thu Th: Bà Th đã được Tòa án huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng bà Th vắng mặt và không có ý kiến hay văn bản đề nghị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết của vụ án:

Ông Huỳnh Văn T1 trình bày: Bà Th có vay của ông T1 03 lần với tổng số tiền là 350.000.000đồng. Vào ngày 22/7/2021, bà Th có viết giấy nợ cho ông T1 với số tiền nợ là 350.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả tiền vào ngày 22/01/2022 (thời hạn trả là 06 tháng). Tuy nhiên, đến hạn trả nợ thì bà Th không trả cho ông T1, ông T1 đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Th vẫn không thực hiện. Ông T1 xác định số tiền nợ này là của cá nhân bà Th nên ông T1 chỉ yêu cầu trả Thảo có trách nhiệm trả số tiền nợ đã vay là 350.000.000đồng.

Bà Ngô Thị Thu Th vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp như tại biên bản phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466 và Điều 467 của Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Bộ luật Dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông T1: Ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T1.

[3] Về nội dung vụ án: Ông T1 khởi kiện và cung cấp chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 22/7/2021, nội dung thể hiện số tiền bà Th vay của ông T1 số tiền 350.000.000đồng, thời hạn vay là đến ngày 22/01/2022. Ông T1 xác định bà

đã yêu cầu bà Th trả tiền nợ nhiều lần nhưng bà Th vẫn không thực hiện. Từ khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của ông T1 đến nay, bà Th không có thiện chí cũng như biểu hiện thanh toán tiền nợ đã vay cho ông T1. Bà Th vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu của nguyên đơn và lời trình bày của ông T1 về số tiền nợ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày của ông T1 đối với số tiền bà Th đã vay là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, ông T1 xác định không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[8] Về án phí: Ông Huỳnh Văn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Ngô Thị Thu Th phải liên đới chịu số tiền 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QU.YẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 470, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T1 đối với bà Ngô Thị Thu Th.

Buộc bà Ngô Thị Thu Th có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn T1 số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

2. Về án phí:

Bà Ngô Thị Thu Th phải chịu số tiền 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Ông Huỳnh Văn T1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông T1 số tiền 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008876 ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ông T1 có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Th vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật